TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2026/DS-ST
Ngày: 13-8-2026
V/v tranh chấp thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Hồ Thị Nhiệm.
2. Ông Phạm Văn Tình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2026, tại phòng xử án trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 45/2026/TLST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2026 về "Tranh chấp thừa kế tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 439/2026/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị B, sinh năm 1963. CCCD số 040163009897. Nơi cư trú: Thôn C (thôn D cũ) Cầu Giát, xã Q, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Hồ Thị N, sinh năm 1973. CCCD số 040173016197. Nơi ĐKHKTT: Thôn A Cầu G, xã Q, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Đình L, sinh năm 1962. CCCD số 040062015796. Nơi cư trú: Thôn D (thôn A Q cũ), xã Q, tỉnh Nghệ An. Giấy ủy quyền ngày 26/12/2025. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1, Bà Vũ Thị V, sinh năm 1958. CCCD số 040158007987. Nơi cư trú: Khối B, phường T, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bà V: Bà Vũ Thị B, sinh năm 1963. CCCD số 040163009897. Nơi cư trú: Thôn C (thôn D cũ) Cầu Giát, xã Q, tỉnh Nghệ An. Hợp đồng ủy quyền ngày 08/7/2026. Có mặt.

2, Bà Vũ Thị H, sinh năm 1965. CCCD số 040165016831 Nơi cư trú: Thôn B Q (thôn A Cầu G cũ), xã Q, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

3, Bà Vũ Thị H1, sinh năm 1966. CCCD số 040166022525. Nơi cư trú: Thôn A (thôn F cũ) Cầu Giát, xã Q, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

4, Ông Vũ Trọng L1, sinh năm 1969. CCCD số 040069012883. Nơi cư trú: Thôn B Q (thôn A Cầu G cũ), xã Q, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

5, Bà Vũ Thị Q (con ông Vũ Trọng L2), sinh năm 1993. CCCD số 040193011426. Nơi ĐKHKTT: K N, phường V, tỉnh Nghệ An. Nơi tạm trú: Khối T, phường V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

6, Ông Vũ Trọng Q1 (con ông Vũ Trọng L2), sinh năm 1995. CCCD số 040095016782. Nơi cư trú: Thôn A Cầu G, xã Q, tỉnh Nghệ An. Hiện đang chấp hành án tại: Đ P Trại giam S - Cục C - Bộ C1. Vắng mặt.

7, Bà Vũ Thị Như Q2 (con ông Vũ Trọng L2), sinh năm 2002. CCCD số 040302017190. Nơi cư trú: Thôn A Cầu G, xã Q, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

8, Cháu Vũ Trọng Q3 (con ông Vũ Trọng L2), sinh năm 2012. Nơi cư trú: Thôn A Cầu G, xã Q, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Người giám hộ cho Vũ Trọng Q3: Bà Vũ Thị Q. Nơi ĐKHKTT: K N, phường V, tỉnh Nghệ An. Nơi tạm trú: Khối T, phường V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

9, UBND xã Q, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân D. Chức vụ: Chủ tịch.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Quốc H2. Chức vụ: Phó Chủ tịch. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 01 năm 2026, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Vũ Thị B trình bày:

Bà Vũ Thị T và bà Vũ Thị T1 là chị em. Bố mẹ bà T đã chết. Bà T không có chồng con. Mẹ bà (Vũ Thị T1) chết khi các con còn nhỏ, bà T nuôi bà và các anh chị em đến khi khôn lớn, trưởng thành. Bà T1 có 06 (sáu) người con gồm Vũ Thị V, Vũ Thị B, Vũ Thị H, Vũ Thị H1, Vũ Trọng L1, Vũ Trọng L2 (sinh năm 1970, chết năm 2022). Ông Vũ Trọng L2 có vợ Hồ Thị N và 04 người con Vũ Thị Q, Vũ Trọng Q1, Vũ Thị Như Q2, Vũ Trọng Q3. 06 (sáu) người con của bà T1 là cháu của bà T, ngoài ra bà T không còn người cháu nào khác.

Bà T sử dụng thửa đất số 61, tờ bản đồ số 118-66C (theo Bản đồ địa chính 1997), diện tích 226m^2, địa chỉ khối A, thị trấn C, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Được UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 920697 ngày 04/08/2009 mang tên Vũ Thị T. Bà T chết ngày 13/01/2014. Sau khi bà T chết,

ông Vũ Trọng L2 làm thủ tục khai nhận thừa kế và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2022.

Năm 1994-1996 thực hiện Dự án PMU1 nâng cấp, mở rộng Quốc lộ A, nhà nước thu hồi đất để giải phóng mặt bằng. Đất của bà Vũ Thị T nằm trong dự án, bị thu hồi 34,8m^2, nhưng cho đến khi bà T chết vẫn chưa được nhà nước chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ. Nay, nhà nước có chủ trương trả tiền bồi thường, hỗ trợ diện tích đất ở bị thu hồi trong thời gian thực hiện dự án PMU1 nâng cấp, mở rộng Quốc lộ A. Căn cứ bảng Tổng hợp giá trị bồi thường, hỗ trợ để thực hiện GPMB dự án Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ A - đoạn đi qua thị trấn C, huyện Q, tỉnh Nghệ An kèm theo Quyết định số 2005/QĐ-UBND ngày 13/5/2025 của UBND huyện Q. Diện tích đất ở 34,8m^2 thuộc thửa số 61, tờ bản đồ số 118-66C (Bản đồ địa chính 1997), theo Bản đồ trích đo là thửa số 100 tờ bản đồ số 1 thuộc quyền sử dụng của bà Vũ Thị T được bồi thường, hỗ trợ 524.593.000đ (năm trăm hai mươi bốn triệu năm trăm chín mươi ba ngàn đồng).

Trên cơ sở giá trị đền bù được phê duyệt, bà cùng các anh chị em là cháu ruột của bà T (thuộc hàng thừa kế thứ ba của bà T) thảo luận về việc phân chia thừa kế đối với số tiền đền bù bà T được hưởng cho 06 (sáu) người cháu nhưng bà Hồ Thị N (vợ của ông Vũ Trọng L2) không nhất trí. Bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế của bà Vũ Thị T theo quy định của pháp luật đối với số tiền 524.593.000đ (năm trăm hai mươi tư triệu năm trăm chín mươi ba nghìn đồng) bồi thường, hỗ trợ của Nhà nước khi thu hồi đất của bà T.

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, bà thống nhất giao cho bà N số tiền 31.475.580đ (ba mươi mốt triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm tám mươi đồng) để chi trả cho luật sư đòi quyền lợi khi thu hồi mặt bằng theo hợp đồng bà N đã ký. Số tiền còn lại chia đều cho các anh chị em và bà N, kỷ phần mỗi người được hưởng 70.445.345đ (bảy mươi triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi lăm đồng). Số tiền lãi 646.758đ (sáu trăm bốn mươi sáu nghìn bảy trăm năm mươi tám đồng) tính đến ngày 13/8/2026 và lãi phát sinh từ ngày 14/8/2026 cho đến khi được chi trả số tiền bồi thường giao cho bà N được hưởng.

Bị đơn bà Hồ Thị N vắng mặt. Tòa án tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, bản sao đơn khởi kiện và tài liệu, Thông báo phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải…cho bà N qua con gái Vũ Thị Như Q2 và tài khoản zalo của bà N mang tên "Ho Nguyet". Bà có ý kiến ủy quyền cho ông Nguyễn Đình L tham gia giải quyết vụ án.

Đại diện theo ủy quyền của bà N, ông Nguyễn Đình L trình bày: Bà N1 là vợ ông Vũ Trọng L2, là cháu dâu của bà Vũ Thị T. Bà N1 đồng ý chia di sản

thừa kế bà T để lại theo pháp luật là số tiền bồi thường giải phóng mặt bằng cho tất cả các người cháu của bà T và chia cho bà N1 01 (một) phần. Bà N1 yêu cầu trước khi chia tiền bồi thường giải phóng mặt bằng, phải trích trả số tiền 31.475.580đ (ba mươi mốt triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm tám mươi đồng) cho luật sư theo hợp đồng bà đã ký thuê luật sư đòi quyền lợi khi thu hồi mặt bằng. Bà N1 đang đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài. Vợ chồng bà N1 có 04 người con chung gồm Vũ Thị Q, Vũ Trọng Q1, Vũ Thị Như Q2, Vũ Trọng Q3. Cháu Q3 đang do cháu Vũ Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng nên bà N1 có ý kiến để cháu Q làm người giám hộ cho cháu Q3.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị H, Vũ Thị H1, ông Vũ Trọng L1 và bà Vũ Thị B (đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị V) trình bày: thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế của bà Vũ Thị T để lại là số tiền 524.593.000đ (năm trăm hai mươi tư triệu năm trăm chín mươi ba nghìn đồng) bồi thường, hỗ trợ của Nhà nước đối với thửa đất số 61, tờ bản đồ số 118-66C (theo Bản đồ địa chính 1997) nay là thửa số 100 tờ bản đồ số 1 theo Bản đồ trích đo. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, các ông bà thống nhất giao cho bà N1 số tiền 31.475.580đ (ba mươi mốt triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm tám mươi đồng) để chi trả cho luật sư. Số tiền còn lại chia đều cho các anh chị em và bà N1, kỷ phần mỗi người được hưởng 70.445.345đ (bảy mươi triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi lăm đồng). Số tiền lãi 646.758đ (sáu trăm bốn mươi sáu nghìn bảy trăm năm mươi tám đồng) tính đến ngày 13/8/2026 và lãi phát sinh từ ngày 14/8/2026 cho đến khi được chi trả số tiền bồi thường giao cho bà N1 được hưởng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Vũ Trọng Q1, bà Vũ Thị Q, Vũ Thị Như Q2, cháu Vũ Trọng Q3 vắng mặt, có ý kiến đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại Bản tự khai ông Q1 trình bày: ông là con của ông L2 và bà N1, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà B vì bà T đã làm thừa kế cho ông L2 và ông L2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà B không có liên quan đến mảnh đất mang tên ông L2 nên bà B không được nhận số tiền bồi thường. Trường hợp, Tòa án xác định số tiền bồi thường là di sản bà T để lại, ông L2 được nhận kỷ phần thừa kế của bà T. Kỷ phần ông L2 được nhận giao cho vợ, con, ông đồng ý. Ông đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ông.

Tại Biên bản lấy lời khai bà Vũ Thị Như Q2 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà B vì bà T đã cho ông L2 thửa đất. Trường hợp, Tòa án phân chia di sản thừa kế của bà T là số tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng thì xem xét đến công sức chăm sóc bà T của bố mẹ bà. Bà đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng

mặt bà.

Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Nghệ An: số tiền 524.593.000đ (năm trăm hai mươi tư triệu năm trăm chín mươi ba nghìn đồng) chưa chi trả cho ai và đang được gửi vào tài khoản tiền gửi của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xã Q, tại ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh P. Số tiền lãi phát sinh tính đến ngày 13/8/2026 là 646.758đ (sáu trăm bốn mươi sáu nghìn bảy trăm năm mươi tám đồng) và lãi tiếp tục phát sinh từ ngày 14/8/2026 cho đến khi số tiền bồi thường được chi trả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục phiên tòa là đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651 và khoản 2 Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật. Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, trên cơ sở kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Vũ Thị B khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của dì ruột là bà Vũ Thị T. Bị đơn bà Hồ Thị N đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Q, tỉnh Nghệ An. Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp về thừa kế tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An.

[1.2] Về quyền khởi kiện và thời hiệu khởi kiện: Bà B là cháu ruột của bà Vũ Thị T làm đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Trọng Q1, bà Vũ Thị Q, Vũ Thị Như Q2, cháu Vũ Trọng Q3 vắng mặt có

đơn và có ý kiến đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung:

Các đương sự trình bày thống nhất bà Vũ Thị T không có chồng con, chỉ có em gái Vũ Thị T1. Bố mẹ bà T (ông Vũ Hữu H3, chết năm 1977, bà Nguyễn Thị N2 chết năm 1935). Bà Vũ Thị T1 (chết năm 1973). Bà T1 có 06 người con, gồm Vũ Thị V, Vũ Thị B, Vũ Thị H, Vũ Thị H1, Vũ Trọng L1, Vũ Trọng L2 (sinh năm 1970, chết năm 2022). Ông Vũ Trọng L2 có vợ là Hồ Thị N và 04 người con Vũ Thị Q, Vũ Trọng Q1, Vũ Thị Như Q2, Vũ Trọng Q3. 06 (sáu) người con của bà T1 là cháu của bà T, ngoài ra bà T không còn người cháu nào khác.

Bà T sử dụng thửa đất số 61, tờ bản đồ số 118-66C (theo Bản đồ địa chính 1997), diện tích 226m^2, địa chỉ khối A, thị trấn C, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Được UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 920697 ngày 04/08/2009 mang tên Vũ Thị T. Thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng đường Q, nhà nước thu hồi diện tích 34,8m^2 tại thửa đất số 61, tờ bản đồ số 118-66C (theo Bản đồ địa chính 1997), theo bản đồ địa chính năm 2014 là thửa số 403 tờ bản đồ số 10, nay là thửa số 100 tờ bản đồ số 1 (theo trích lục và đo vẽ bổ sụng bản đồ địa chính năm 2014). Số tiền bồi thường, hỗ trợ bà T chưa được nhận.

Ngày 08/4/2022, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 406427 cho ông Vũ Trọng L2, bà Hồ Thị N theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 03/9/2009. Ông L2, bà N được quyền sử dụng thửa đất số 403 tờ bản đồ số 10.

Theo Quyết định số 2005/QĐ-UBND ngày 13/5/2025 của UBND huyện Q, tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt phương án, giá trị bồi thường, hỗ trợ, chi trả chậm để thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng quốc lộ A đoạn qua thị trấn C, huyện Q, tỉnh Nghệ An (đợt 7). Số tiền được bồi thường, hỗ trợ 524.593.000đ (năm trăm hai mươi tư triệu năm trăm chín mươi ba nghìn đồng).

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế của bà Vũ Thị T theo quy định của pháp luật đối với số tiền 524.593.000đ (năm trăm hai mươi tư triệu năm trăm chín mươi ba nghìn đồng) và tiền lãi tính đến ngày 13/8/2026. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (các bà Vũ Thị V, Vũ Thị H, Vũ Thị H1 và ông Vũ Trọng L1) đồng ý phân chia. Ông Vũ Trọng Q1, bà Vũ Thị Như Q2 không đồng ý.

Về thời điểm mở thừa kế: Bà Vũ Thị T chết ngày 13/01/2014 (Trích lục khai tử số 49/2026/TLKT-BS của Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Nghệ An). Căn cứ vào Điều 611 Bộ luật Dân sự xác định thời điểm mở thừa kế của bà T là ngày

13/01/2014.

Về di sản thừa kế: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 03/9/2009, Di chúc lập ngày 04/5/2013 được công chứng bởi Văn phòng C2, tỉnh Nghệ An số công chứng 0661.2013/DC, bà T chỉ định đoạt đối với quyền sử dụng thửa đất số 61 tờ bản đồ số 118-66C (thửa số 403 tờ bản đồ số 10 bản đồ địa chính năm 2014) cho ông Vũ Trọng L2. Căn cứ Điều 612 Bộ luật Dân sự xác định số tiền bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất 524.593.000đ (năm trăm hai mươi tư triệu năm trăm chín mươi ba nghìn đồng) và tiền lãi tính đến ngày 13/8/2026 là 646.758đ (sáu trăm bốn mươi sáu nghìn bảy trăm năm mươi tám đồng), là di sản bà T để lại.

Về người thừa kế: căn cứ các Điều 613, 651 Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định người được hưởng thừa kế theo pháp luật của bà T gồm có các cháu ruột Vũ Thị V, Vũ Thị B, Vũ Thị H, Vũ Thị H1, Vũ Trọng L1, Vũ Trọng L2 (sinh năm 1970, chết năm 2022). Ông L2 chết sau bà T nên vợ và các con của ông L2 được hưởng phần thừa kế của ông L2.

Về việc phân chia di sản của bà T: các ông, bà V, B, H, H1, L1, đại diện theo ủy quyền của bà N thỏa thuận thống nhất giao cho bà N số tiền 31.475.580đ (ba mươi mốt triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm tám mươi đồng) để chi trả cho luật sư. Số tiền còn lại chia đều cho các anh chị em và bà N, kỷ phần mỗi người được hưởng 70.445.345đ (bảy mươi triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi lăm đồng). Số tiền lãi 646.758đ (sáu trăm bốn mươi sáu nghìn bảy trăm năm mươi tám đồng) tính đến ngày 13/8/2026 và lãi phát sinh từ ngày 14/8/2026 cho đến khi được chi trả số tiền bồi thường giao cho bà N được hưởng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Q1 có ý kiến trường hợp Tòa án xác định số tiền bồi thường là di sản bà T để lại, ông L2 được nhận kỷ phần thừa kế của bà T. Kỷ phần ông L2 được nhận giao cho vợ, con, ông đồng ý. Bà Như Q2 có ý kiến xem xét đến công sức chăm sóc bà T của bố mẹ bà. Xét thấy, sự thỏa thuận và ý kiến của các đương sự là tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các bên. Nên cần chấp nhận phân chia di sản thừa kế của bà T như ý kiến của các đương sự.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu tiền án phí theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản được hưởng. Các bà B, V, H, H1 là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí, nên được miễn tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 5 Điều 26, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651 và khoản 2 Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật đối với số tiền 524.593.000đ (năm trăm hai mươi tư triệu năm trăm chín mươi ba nghìn đồng) bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất theo Quyết định số 2005/QĐ-UBND ngày 13/5/2025 của UBND huyện Q, tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt phương án, giá trị bồi thường, hỗ trợ, chi trả chậm để thực hiện GPMB dự án: Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ A đoạn qua thị trấn C, huyện Q, tỉnh Nghệ An (đợt 7); Tổng hợp giá trị bồi thường, hỗ trợ để thực hiện GPMB dự án: Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ A đoạn qua thị trấn C, huyện Q, tỉnh Nghệ An đối với thửa đất số 100 tờ bản đồ địa chính số 1. Phân chia cụ thể như sau:

1. Chia cho các bà Vũ Thị B, Vũ Thị V, Vũ Thị H, Vũ Thị H1 và ông Vũ Trọng L1, mỗi người được nhận số tiền 70.445.345đ (bảy mươi triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi lăm đồng).

2. Chia cho bà Hồ Thị N được nhận những số tiền sau: 70.445.345đ (bảy mươi triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi lăm đồng); 646.758đ (sáu trăm bốn mươi sáu nghìn bảy trăm năm mươi tám đồng) tiền lãi tính đến ngày 13/8/2026; lãi phát sinh từ ngày 14/8/2026 cho đến khi số tiền bồi thường, hỗ trợ được chi trả; 31.475.580đ (ba mươi mốt triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm tám mươi đồng) để chi trả cho luật sư mà bà N thuê để đòi quyền lợi khi bị nhà nước thu hồi đất.

3. Chia cho bà Hồ Thị N và các con Vũ Thị Q, Vũ Trọng Q1, Vũ Thị Như Q2, Vũ Trọng Q3 được nhận số tiền 70.445.345đ (bảy mươi triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi lăm đồng).

4. Các ông, bà Vũ Thị B, Vũ Thị V, Vũ Thị H, Vũ Thị H1, Vũ Trọng L1, bà Hồ Thị N, Vũ Trọng Q1, Vũ Thị Như Q2, Vũ Trọng Q3 được quyền liên hệ với Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xã Q, tỉnh Nghệ An để nhận số tiền được chia.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 Luật Thi hành án

dân sự năm 2025. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

6. Án phí: Buộc bà Hồ Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 3.555.000đ (ba triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng). Buộc ông Vũ Trọng L1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 3.522.000đ (ba triệu năm trăm hai mươi hai nghìn đồng). Buộc bà Hồ Thị N, Vũ Thị Q, Vũ Thị Như Q2, ông Vũ Trọng Q1, Vũ Trọng Q3 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 3.522.000đ (ba triệu năm trăm hai mươi hai nghìn đồng). Miễn nộp tiền án phí cho các bà Vũ Thị B, Vũ Thị V, Vũ Thị H, Vũ Thị H1.

7. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt, có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND khu vực 4 - Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hải Yến